

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin – sửa đổi bổ sung lần 1/2021

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GTVT VN-VIETRAVEL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 16/11/2021 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Vietravel;
- Căn cứ Kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị ngày 18/02/2021 về việc thông qua Nội dung sửa đổi Quy chế - Quy trình công bố thông tin của Công ty Vietravel.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế - Quy trình Công bố thông tin của Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Văn phòng Hội đồng quản trị, cổ đông lớn, Người nội bộ của Công ty, Ban Tài chính Kế toán, Phòng/Ban, Đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /mm

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN QUỐC KỲ



VIETNAM VALUE



WORLD TRAVEL AWARDS



TTG TRAVEL AWARDS



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~58~~ - ~~QĐ~~ ngày ~~18~~ / ~~02~~ / 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận Tải Việt Nam - Vietravel)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam - Vietravel với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên thị trường Chứng khoán Việt Nam, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này bao gồm:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Thư ký Công ty, Giám đốc Ban tài chính kế toán, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền Công bố thông tin, nhân viên công bố thông tin và các chức danh quản lý khác do Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm.
 - Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty.
 - Người liên quan đến các đối tượng công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty*: là Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam – Vietravel;
2. *Điều lệ*: là Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam - Vietravel đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. *Công bố thông tin định kỳ*: là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật;
4. *Công bố thông tin bất thường*: là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường;
5. *Công bố thông tin theo yêu cầu*: là việc Công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam - Vietravel được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tập trung;
6. *Báo cáo thường niên*: là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng quản trị của Công ty được lập hàng năm và công bố theo định kỳ;
7. *UBCKNN*: là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
8. *SGDCK*: là Sở Giao dịch Chứng khoán, nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;
9. *TTLKCK*: là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
10. *Người quản lý doanh nghiệp* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
11. *Cổ đông lớn*: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
12. *Người nội bộ của Công ty* bao gồm:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật;

- b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - c) Giám đốc Ban tài chính kế toán; Kế toán trưởng;
 - d) Trưởng Ban kiểm toán nội bộ, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, thư ký công ty;
 - đ) Người được ủy quyền công bố thông tin.
13. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
14. *Ngày Công bố thông tin*: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.
15. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
16. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
 - a) Công ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin, các cá nhân phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
 - b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá Chứng khoán, Công ty xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch Chứng khoán, số tài khoản lưu ký Chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.
3. Các đối tượng công bố thông tin, các cá nhân có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
 - b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.
4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường Chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.
5. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá Chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c) Phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK;
 - d) Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK;
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
3. Công ty lập trang thông tin điện tử (Website) của mình. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi về đăng ký các nội dung này, các chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Bản cáo bạch và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK; công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba 03 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

4. Trang thông tin điện tử hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin:
 - a) Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;
 - b) Công ty thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư số 96/2020/TT-BTC cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.
2. Nhà đầu tư cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin tại khoản 2 Điều 1 tại Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Công ty, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán hoặc tổ chức khác) theo quy định pháp luật hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:
 - a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDK Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên.
 - b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu Chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
3. Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục 02 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục 03 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC cho UBCKNN, Sở GDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của người công bố thông tin

1. Đại diện cho Công ty trong việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật và tại Quy chế này;
2. Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;
3. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra nhân viên công bố thông tin thực hiện tổng hợp và công bố thông tin chính xác và đúng thời hạn theo đúng quy định;

4. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị Công ty về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này;
5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Công ty.

Điều 7. Nhân viên công bố thông tin

1. Nhân viên công bố thông tin là người được Người đại diện theo pháp luật chỉ định trực tiếp hoặc theo đề xuất của người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin có chức năng là đầu mối thu thập, tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin, chuyển cho Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định và ký duyệt thông qua.
2. Trách nhiệm của nhân viên công bố thông tin:
 - a) Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.
 - c) Thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều này chính xác, kịp thời;
 - d) Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin trong công việc được giao.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc tạm hoãn công bố thông tin được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...). Người được ủy quyền công bố thông tin lập văn bản trình Người đại diện theo pháp luật ký và gửi báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GTVT VIỆT NAM – VIETRAVEL

Điều 9. Các trường hợp công bố thông tin

1. Công bố thông tin định kỳ.
2. Công bố thông tin bất thường.
3. Công bố thông tin theo yêu cầu.
4. Các trường hợp khác phải công bố thông tin:
 - a) Công bố thông tin về giao dịch của Cổ đông lớn và nhóm người có liên quan;
 - b) Công bố thông tin về giao dịch của Cổ đông nội bộ, Người được ủy quyền công bố thông tin và Người có liên quan tới những đối tượng trên;
 - c) Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu;
 - d) Công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan (nếu có);
 - e) Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ, về giao dịch chào mua công khai; về việc chào bán Chứng khoán, về một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu;
 - f) Công bố thông tin khi thực hiện chào bán trái phiếu, cổ phiếu ra công chúng;
 - g) Các công bố thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

- a) Công ty công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b) Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.
- c) Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ tất cả nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng thuyết minh báo cáo tài chính. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- d) Công ty công bố đầy đủ nội dung thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty, trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.
- e) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1 Điều này, đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.
- f) Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Báo cáo thường niên

- a) Công ty lập và công bố báo cáo thường niên theo Phụ lục 04 - Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b) Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Công bố thông tin về quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- a) Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b) Công ty công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường (kể cả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu lấy ý kiến, phiếu biểu quyết,

danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, thành viên Hội đồng quản trị; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

- c) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- d) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
 - b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hoặc khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung;
 - c) Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);
 - d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ và các quyết định liên quan đến việc chào bán Chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
 - e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
 - f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo về việc đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện;
 - i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;
 - j) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
 - k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trong các trường hợp:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, giao dịch cổ phiếu quỹ, mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua Công ty Chứng khoán và mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên (nếu có);
 - Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ; bao gồm cả trường hợp mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên nghỉ việc trước thời gian cam kết theo điểm d, khoản 2, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.
 - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua Công ty Chứng khoán, Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.
- l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung.
 - m) Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.
 - n) Công ty thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về sự thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
 - o) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
 - p) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận hoặc Quyết định phạt của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế hoặc quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
 - q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
 3. Công bố thông tin về Đại hội cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
- a) Việc công bố thông tin Đại hội cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này;
 - b) Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty gửi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:
 - a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá Chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

- a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b điều này;
- b) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 14. Công bố thông tin và Báo cáo về hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng và báo cáo sử dụng vốn

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng khoán ra công chúng có hiệu lực theo phụ lục mẫu số 73 ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch Chứng khoán theo phụ lục mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
2. Công ty báo cáo kết quả đợt chào bán Chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
3. Xác nhận của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản phong toả về số tiền thu được từ đợt chào bán.
4. Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo phụ lục mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Theo phụ lục mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
- Công ty công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phân vốn góp

Điều 15. Công bố thông tin việc phát hành thêm cổ phiếu

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu:
 - a. Đối với phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo phụ lục mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định 155/2015/NĐ-CP
 - b. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc sau ngày

- kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thường theo phụ lục mẫu số 17 ban hành kèm theo Nghị định 155/2015/NĐ-CP.
- c. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tổ chức chức phát hành phải gửi đăng ký phát hành trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo phụ lục mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định 155/2015/NĐ-CP
 2. Công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch phải tiến hành đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo kết quả phát hành cho Công ty. Theo phụ lục mẫu số 28 ban hành kèm theo Nghị định 155/2015/NĐ-CP.

Điều 16. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

1. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
2. Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập thực hiện công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

**Chương III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 18. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; hoặc khi không còn là cổ đông lớn; hoặc khi có sự tăng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN và SGDC (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo Phụ lục số 06 và Phụ lục 07 (trường hợp sở hữu trên 5% và khi có sự thay đổi vượt ngưỡng 1%) ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDC (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu; quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDC (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, ...) theo Phụ lục số 13 hoặc 14 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Thời gian thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi,

- quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.
3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo Công ty, UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 15 hoặc Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
 4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.
 5. Trường hợp người nội bộ của Công ty, hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn kể cả các tổ chức chính trị - xã hội như Công đoàn, ... thì chỉ thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
 6. Trường hợp Công ty Chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, Công ty Chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty báo cáo Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi;
 7. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu - trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty công bố trên website của Công ty.

Điều 20. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

- Tổ chức, cá nhân khi đăng ký chào mua công khai phải đính kèm Hồ sơ Bản công bố thông tin chào mua công khai theo phụ lục mẫu số 23 và 24 ban hành kèm theo Nghị định 155/2015/NĐ-CP
- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo kết quả chào mua công khai trên phương tiện thông tin đại chúng bao gồm trang thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán trong trường hợp cổ phiếu được chào mua công khai được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Điều 21. Yêu cầu cải chính thông tin

Công ty có quyền yêu cầu cải chính thông tin đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng sự thật hoặc sai lệch về Công ty.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin

Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Công ty bao gồm:

1. Thư ký ĐHCĐ: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và các nội dung khác theo chức

- năng, nhiệm vụ của mình. Các thông tin để phục vụ cho tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên hàng năm và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.
2. Ban Tài chính – Kế toán: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.
 3. Tiểu ban Tài chính, Chứng khoán và CBTT chịu trách nhiệm các thông tin liên quan đến cổ đông, cổ phiếu của Công ty; và là đầu mối tiếp nhận thông tin, thắc mắc và giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư và cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Công ty công bố.
 4. Người đại diện phân vốn góp của Công ty tại các Công ty con chịu trách nhiệm các thông tin cần công bố liên quan đến các nội dung theo chức năng và nhiệm vụ của mình.

Điều 23. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong việc cung cấp thông tin

1. Người công bố thông tin và người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các phòng, ban, đơn vị cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.
2. Giám đốc/Trưởng các phòng, ban, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người đại diện công bố thông tin hoặc nhân viên công bố thông tin.
Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, Trưởng các phòng, ban, đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin đến người được ủy quyền công bố thông tin hoặc nhân viên công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 24. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Giám đốc Ban tài chính kế toán, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các Phòng ban và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.
2. Các phòng ban tham mưu, giúp việc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến cho cán bộ nhân viên trong đơn vị biết để thực hiện tốt công việc được giao.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.
4. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

5. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định. / .kky

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH vaf



NGUYỄN QUỐC KỶ

DANH MỤC

Các mẫu phụ lục liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty
(kèm Thông tư 96/2020/TT-BTC và Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

STT	Số phụ lục	Tên phụ lục
Thông tư 96/2020/TT-BTC		
1	Phụ lục số 01	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
2	Phụ lục số 02	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
3	Phụ lục số 03	Bản cung cấp thông tin
4	Phụ lục số 04	Báo cáo thường niên
5	Phụ lục số 05	Báo cáo tình hình quản trị công ty
6	Phụ lục số 06	Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
7	Phụ lục số 07	Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng
8	Phụ lục số 08	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng
9	Phụ lục số 13	Thông báo giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan người nội bộ
10	Phụ lục số 14	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan người nội bộ
11	Phụ lục số 15	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan
12	Phụ lục số 16	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
Nghị Định 155/2020/NĐ-CP		
13	Mẫu số 01	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành.
14	Mẫu số 02	Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành.
15	Mẫu số 05	Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
16	Mẫu số 07	Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng
17	Mẫu số 08	Cam kết bảo lãnh phát hành trái phiếu ra công chúng

18	Mẫu số 10	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ.
19	Mẫu số 16	Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
20	Mẫu số 17	Báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty
21	Mẫu số 23	Giấy đăng ký chào mua công khai
22	Mẫu số 24	Công bố thông tin chào mua công khai
23	Mẫu số 28	Giấy đăng ký niêm yết chứng khoán
24	Mẫu số 72	Giấy đăng ký tăng, giảm vốn điều lệ
25	Mẫu số 73	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO
THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Lần ban hành
02

Trang
1/13

**QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Lần ban hành	Ngày ban hành	Soạn/cập nhật	Kiểm tra	Phê duyệt
02/...../.....		 Nguyễn Minh Ngọc	 Nguyễn Quốc Kỳ



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO
THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Lần ban hành
02

Trang
2/13

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

STT	Đối tượng	Số lượng
1.	Hội đồng Quản trị	08
2.	Ban Tổng Giám đốc	04
3.	Ban Kiểm toán nội bộ	01
4.	Văn phòng HĐQT	01
5.	Văn phòng Công ty	01
6.	Ban Tài chính Kế toán	01
7.	Ban Tổ chức Nhân sự	01
8.	Ban Tiếp thị	01
9.	Các Chi nhánh, Phòng, Ban khác trực thuộc Công ty	01/đơn vị

NỘI DUNG SỬA ĐỔI SO VỚI LẦN BAN HÀNH TRƯỚC

Mục sửa đổi	Nội dung sửa đổi
Biểu mẫu sử dụng	Phụ lục trong Thông tư 96/2020/TT-BTC (thay thế thông tư 155/2015/TT-BTC cũ)
	Phụ lục trong Nghị định 155/2020/NĐ-CP (thay thế Nghị định 58/2012/NĐ-CP; 60/2015/NĐ-CP; 86/2016/NĐ-CP; 71/2017/NĐ-CP; Điều 13, Điều 14 Nghị định 151/2018/NĐ-CP)



1. MỤC ĐÍCH

- Tiêu chuẩn hóa việc Công bố thông tin thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng của Công ty theo quy định của pháp Luật
- Thống nhất các biểu mẫu, chứng từ, tài liệu, các thủ tục sử dụng trong quá trình thực hiện.
- Làm cơ sở cho việc quản lý, lưu trữ thông tin công bố. Quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban và cá nhân thuộc Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

- Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Giám đốc Ban tài chính kế toán, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các phòng, ban, và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty.
- Người liên quan đến các đối tượng công bố thông tin.

3. NỘI DUNG CỤ THỂ CẦN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Đính kèm Phụ lục 01 danh sách đầu mục nội dung cần công bố thông tin)

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán (Thay thế Thông tư số 155/2015/TT-BTC);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam-Vietravel;
- Quy chế Công bố thông tin hiện nay của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành;



5. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT

- UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
- TTLKCK	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Công ty	:	Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel
- VP HĐQT	:	Văn phòng Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc	:	Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Ban TCKT	:	Ban Tài chính Kế toán
- Ban TCNS	:	Ban Tổ chức Nhân sự
- Tiểu Ban TC – CK & CBTT	:	Tiểu Ban tài chính – Chứng khoán và Công bố thông tin
- Ban TT	:	Ban tiếp thị
- CBTT	:	Công bố thông tin



6. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Quy trình công bố thông tin

Bước	Trách nhiệm chính	Trách nhiệm thực hiện	Trình tự thực hiện	Ghi chú
1.	Các đơn vị, nhà đầu tư		Gửi thông tin	
2.	Người được ủy quyền CBTT	Tiểu ban TC – CK & CBTT (nhân viên CBTT)	Soạn thảo văn bản CBTT trình Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT	
3.	Người đại diện theo pháp luật	Người được ủy quyền CBTT	Xem xét và phê duyệt	
4.	Người được ủy quyền CBTT	- Tiểu ban TC – CK & CBTT đăng: +UBCKNN +HNX +Ban Tiếp thị (công thông tin điện tử công ty)	Báo cáo và công bố	
5.	Văn phòng HĐQT	- Tiểu ban TC – CK & CBTT (lưu File scan)	Bảo quản và lưu trữ	



DIỄN GIẢI LƯU ĐỒ:

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các đơn vị trực thuộc hoặc nhà đầu tư phải tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố và gửi đến Người được ủy quyền công bố thông tin hoặc nhân viên tổng hợp công bố thông tin.

* Thời hạn các đơn vị, nhà đầu tư gửi tài liệu và thông tin cần công bố như sau:

- Đối với thông tin công bố định kỳ: Chậm nhất 02 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 10 Quy chế công bố thông tin của Công ty.

- Đối với thông tin công bố bất thường và thông tin cung cấp theo yêu cầu quy định tại Điều 11 và Điều 16 Quy chế công bố thông tin của Công ty: trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện, Giám đốc, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty (nơi phát sinh các thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người được ủy quyền công bố thông tin hoặc nhân viên công bố thông tin.

- Đối với các thông tin cần công bố khác: chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Công ty.

- Các bộ phận có liên quan phải lập báo cáo và gửi đến Nhân viên công bố thông tin trong thời hạn không quá 2/3 thời gian mà Công ty phải công bố; việc xác định thời hạn này được tính theo thời gian cụ thể của từng trường hợp công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu.

* Cách chuyển thông tin đến nhân viên công bố thông tin hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin

- Báo cáo do các bộ phận có liên quan được lập thành văn bản có ký xác nhận nội dung của cá nhân thực hiện hoặc đại diện phụ trách đơn vị và gửi đến nhân viên công bố thông tin và kèm 02 bản chính thông tin cần công bố hoặc 02 bản sao y bản chính để nhân viên công bố thông tin gửi báo cáo đến UBCKNN và Sở giao dịch Chứng khoán.

- Trường hợp Nhân viên công bố thông tin vắng mặt vì bất cứ lý do gì, các bộ phận có liên quan trực tiếp nộp báo cáo cho Người được ủy quyền công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận liên quan cung cấp, Nhân viên công bố thông tin của Công ty phải:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Chỉnh sửa hoặc soạn thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu quy định;
- Trình người đại diện theo pháp Luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định các nội dung.



Bước 3: Phê duyệt

Sau khi thẩm định văn bản công bố thông tin, Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện; ký tên và đóng dấu văn bản công bố trước khi thực hiện công bố.

Bước 4: Báo cáo và Công bố thông tin

Người được ủy quyền công bố thông tin, Văn phòng Hội đồng quản trị gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán (trường hợp cổ phiếu Công ty được niêm yết trên Sở GDCK) theo đúng thời hạn quy định (phải ký chữ ký số trên file cbtt trước khi gửi dữ liệu điện tử), đồng thời gửi qua mail cho Ban Tiếp thị (hoặc Trung tâm ITC trong trường hợp cần được hỗ trợ) để thực hiện đăng tải nội dung công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Nhân viên công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các văn bản pháp Luật hiện hành về công bố thông tin và Quy chế này.

Bước 5: Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp Luật.

- Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin cho Nhân viên công bố thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.

- Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ do Văn phòng Hội đồng quản trị lưu trữ văn bản. Tiểu ban nhân chính lưu bản cứng; Tiểu ban Tài chính – Chứng khoán & CBTT lưu bản scan và dữ liệu điện tử theo quy định.

7. BIỂU MẪU SỬ DỤNG:

STT	Số phụ lục	Tên phụ lục
Thông tư 96/2020/TT-BTC		
1	Phụ lục số 01	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
2	Phụ lục số 02	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
3	Phụ lục số 03	Bản cung cấp thông tin
4	Phụ lục số 04	Báo cáo thường niên
5	Phụ lục số 05	Báo cáo tình hình quản trị công ty
6	Phụ lục số 06	Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
7	Phụ lục số 07	Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng
8	Phụ lục số 08	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO
THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Lần ban hành
02

Trang
8/13

9	Phụ lục số 13	Thông báo giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan người nội bộ
10	Phụ lục số 14	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan người nội bộ
11	Phụ lục số 15	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan
12	Phụ lục số 16	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
Nghị Định 155/2020/NĐ-CP		
13	Mẫu số 01	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành.
14	Mẫu số 02	Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành.
15	Mẫu số 05	Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
16	Mẫu số 07	Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng
17	Mẫu số 08	Cam kết bảo lãnh phát hành trái phiếu ra công chúng
18	Mẫu số 10	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ.
19	Mẫu số 16	Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
20	Mẫu số 17	Báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty
21	Mẫu số 23	Giấy đăng ký chào mua công khai
22	Mẫu số 24	Công bố thông tin chào mua công khai
23	Mẫu số 28	Giấy đăng ký niêm yết chứng khoán
24	Mẫu số 72	Giấy đăng ký tăng, giảm vốn điều lệ
25	Mẫu số 73	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu



PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH CÁC NỘI DUNG HIỆN NAY CÔNG TY CẦN CÔNG BỐ

Stt	NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	ĐƠN VỊ ĐÀU MỐI CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỂ CÔNG BỐ
A. ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN LÀ CÁ NHÂN			
1	Cung cấp thông tin Người nội bộ	03 ngày từ ngày trở thành người nội bộ	Người nội bộ
2	Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ hoặc của người có liên quan của người nội bộ	Tối thiểu 03 ngày trước ngày giao dịch	Người nội bộ
3	- Công bố thông tin của tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài về việc trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn (sở hữu >5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành). - Công bố thông tin của tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông lớn khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng	Thời hạn 05 ngày	Cổ đông lớn
B. ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN LÀ ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TY			
I. BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ CUNG CẤP THÔNG TIN CẦN CÔNG BỐ			
1	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập hoạt động và các nội dung sửa đổi, bổ sung	24 giờ	Ban TCNS
2	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty	24 giờ	Ban TCNS
3	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty;	24 giờ	Ban TCNS
II. BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN CUNG CẤP THÔNG TIN CẦN CÔNG BỐ			
1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa	24 giờ	Ban TCKT
2	Khi nhận được kết luận hoặc Quyết định phạt của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế	24 giờ	Ban TCKT



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO
THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Lần ban hành
02

Trang
10/13

3	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký)	24 giờ sau khi ký hợp đồng	Ban TCKT
4	Báo cáo tài chính năm và báo cáo hợp nhất đã kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Ban TCKT
5	Báo cáo tài chính bán niên (Tổ chức niêm yết, Công ty đại chúng quy mô lớn)	Không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Ban TCKT
6	Báo cáo tài chính quý (Tổ chức niêm yết, Công ty đại chúng quy mô lớn)	20 ngày	Ban TCKT
7	<ul style="list-style-type: none">- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại	Cùng thời gian với công bố thông tin của kỳ báo cáo tài chính	Ban TCKT
8	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo (nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới)	Ban TCKT
9	<ul style="list-style-type: none">- Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.- Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận	Định kỳ 06 tháng, phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Ban TCKT



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO
THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL**

**QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Lần ban hành
02

Trang
11/13

	cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Hội đồng thành viên thường niên		
10	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); kết quả điều chỉnh hội tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính	24 giờ	Ban TCKT
III. VĂN PHÒNG HĐQT CUNG CẤP THÔNG TIN CẦN CÔNG BỐ			
1	Quyết định về việc đóng, mở, thành lập chi nhánh, văn phòng, văn phòng đại diện	24 giờ	VP HĐQT
2	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty	24 giờ	VP HĐQT
3	Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	24 giờ	VP HĐQT
4	Báo cáo thường niên	20 ngày sau ngày CBTT Báo cáo tài chính, hạn chót 20/4 hàng năm	VP HĐQT
5	Báo cáo tình hình quản trị Công ty	30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	VP HĐQT
6	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm		VP HĐQT
7	Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên	Tối thiểu 20 ngày trước ngày ĐKCC	VP HĐQT
8	Tài liệu họp Đại hội cổ đông	10 ngày (theo điều lệ cty) trước ngày khai mạc Đại hội	VP HĐQT
9	Thông báo/Thư mời họp gửi cổ đông	10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội	VP HĐQT
10	Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên	24 giờ	VP HĐQT
11	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	24 giờ	VP HĐQT
12	Người đại diện Công bố thông tin hoặc thay đổi người đại diện Công bố thông tin	24 giờ trước hiệu lực	VP HĐQT
13	Bản cung cấp thông tin của người nội bộ	03 ngày từ khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người nội bộ	VP HĐQT
14	Giao dịch mua lại cổ phiếu của CBNV nghỉ việc	07 ngày kể từ ngày UBCKNN chấp thuận	VP HĐQT
15	Quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán	24 giờ	VP HĐQT



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO
THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL**

**QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Lần ban hành
02

Trang
12/13

16	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi	24 giờ	VP HĐQT
17	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	24 giờ	Ban KHĐT
18	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty	24 giờ	VP HĐQT
19	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày UBCKNN chấp thuận	VP HĐQT
20	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	24 giờ	VP HĐQT
21	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty	24 giờ	VP HĐQT
22	Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản	Trước 10 ngày	VP HĐQT
23	Đại hội đồng cổ đông bất thường	Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc	VP HĐQT
24	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành cổ phiếu hoán đổi		VP HĐQT
24.1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	CBTT ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày ĐKCC để phân bổ quyền	VP HĐQT
24.2	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	CBTT ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu CP.	VP HĐQT
25	Công ty gửi báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng		VP HĐQT
25.1	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Gửi BC kết quả phát hành trong 15 ngày từ ngày đăng ký cuối cùng để	VP HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO
THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Lần ban hành
02

Trang
13/13

		phân bổ quyền	
25.2	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Gửi BC kết quả phát hành trong 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động	VP HĐQT
26	Khi có sự thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	24 giờ	VP HĐQT
27	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty	24 giờ	VP HĐQT
28	CBTT ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông: - Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tham dự Đại hội cổ đông - Nhận, lãi, vốn gốc trái phiếu, cổ tức, lợi tức bằng tiền - Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhận cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Quyền mua chứng khoán - Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi - Hoán đổi cổ phiếu, trái phiếu Công ty - Các quyền khác theo quy định của Pháp luật	Chậm nhất 10 ngày trước ngày ĐKCC	VP HĐQT
29	Nghị quyết về giao dịch giữa Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác hoặc những người có liên quan của thành viên đó với Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó theo quy định của pháp luật	24 giờ	VP HĐQT
30	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan	24 giờ	VP HĐQT
31	Trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu: Khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch: Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	24 giờ	VP HĐQT